TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN THÀNH
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU
Bản án số: 37 /2017/DS-ST
Ngày: 24-8-2017
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN THÀNH, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thảo Nguyên
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Trần Văn Cư
2. Bà Vũ Thị Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Thành *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 33/2017/TLST-DS ngày 20/3/2017 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2017/QĐST-DS ngày 12/7/2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2017/QĐST-DS ngày 31/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thành giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP VNTV.
Trụ sở: Tầng 1-7, Tòa nhà Thủ đô, phố T, p. T, Quận H, tp. Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Ngô Chí D: Ông Lê Hiền T, Trưởng phòng thu hồi nợ pháp lý kiêm quản lý pháp chế cho phòng an ninh và phòng kiểm soát gian lận, phòng thu hồi nợ pháp lý, trung tâm thu hồi nợ - Khối tín dụng tiêu dùng – Ngân hàng TMCP VNTV.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Hiền T: Ông Hồ Duy T, sinh năm: 1986 (Ủy quyền theo Văn bản ủy quyền số 10/2016/UQ-GĐK-TDTD ngày 25/11/2016) (có mặt)

Địa chỉ: 544 C, phường P, thành phố B, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

2. Bị đơn: Bà Phạm Tuyết L, sinh năm: 1983 (vắng mặt)
Địa chỉ: tổ 9, thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/10/2011, bà Phạm Tuyết L có ký hợp đồng tín dụng số 20111015-1130003-3 với Ngân hàng TMCP VNTV vay số tiền gốc 24.000.000đ, phí quản lý khoản vay 1.200.000đ, tổng cộng là 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng) với lãi suất 2.49%/ tháng tính theo dư nợ gốc trả giảm dần, mục đích để tiêu dùng cá nhân, hình thức tín chấp, không có thế chấp tài sản bảo đảm. Theo thỏa thuận tại hợp đồng, bà Phạm Tuyết L có trách nhiệm thanh toán số tiền 39.004.560đ (Ba mươi chín triệu, không trăm lẻ bốn ngàn, năm trăm sáu mươi đồng), trong đó: tiền gốc là: 25.200.000đ và tiền lãi là: 13.804.560đ. Thời hạn trả trong 24 tháng (24 kì), 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.677.480đ, tháng cuối cùng trả 1.050.000đ. Thanh toán vào ngày 16 hàng tháng, được bắt đầu thực hiện từ ngày 16/10/2011.

Thực hiện hợp đồng, bà Phạm Tuyết L đã nhận đủ số tiền vào ngày 17/10/2011 và đã thanh toán cho ngân hàng 9 lần với số tiền 12.487.500đ (Mười hai triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 6.896.000đ và tiền lãi là 5.591.500đ.

Kể từ ngày 06/6/2012, bà Phạm Tuyết L không thanh toán bất cứ khoản tiền nào dù ngân hàng đã dùng nhiều biện pháp nhắc nhở. Tổng số tiền bà Phạm Tuyết L còn phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng là 26.517.060đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm sáu mươi đồng) trong đó tiền gốc là 18.304.000đ và tiền lãi là 8.213.060đ.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L phải thanh toán cho ngân hàng số tiền gốc là: 18.304.000đ (Mười tám triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) và tiền lãi chậm trả tính từ ngày thụ lý (20/3/2017) đến ngày xét xử (24/8/2017) là 5 tháng × 1%/tháng × 18.304.000đ là 915.000đ. Ngoài ra, bà L còn phải thanh tóan thêm cho ngân hàng khoản tiền lãi chậm thi hành án khi có yêu cầu thi hành bản án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Phạm Tuyết L được triệu tập nhiều lần nhưng không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ tài liệu chứng cứ gì để bảo vệ quyền lợi ích cho mình.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xét có đủ căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP VNTV khởi kiện bà Phạm Tuyết L trú tại: thôn P, xã T, huyện T về tranh chấp hợp đồng tín dụng là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Phạm Tuyết L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt nên hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét thấy tại hợp đồng tín dụng số 20111015-1130003-3 ngày 15/10/2011 giữa Ngân hàng TMCP VNTV và bà Phạm Tuyết L có chữ ký của bà Phạm Tuyết L. Đại diện ngân hàng TMCP VNTV khai rằng bà Phạm Tuyết L vay của ngân hàng số tiền 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu hai trăm ngàn đồng), tuy nhiên theo thỏa thuận, bà Phạm Tuyết L có trách nhiệm thanh toán số tiền gồm cả gốc và lãi là 39.004.560đ (Ba mươi chín triệu không trăm lẻ bốn ngàn năm trăm sáu mươi đồng), trong đó: tiền gốc là: 25.200.000đ và tiền lãi là: 13.804.560đ, trả trong 24 tháng (24 kì), 23 tháng đầu mỗi tháng trả số tiền 1.677.480đ, tháng cuối cùng trả 1.050.000đ. Bà L đã thanh toán cho ngân hàng 9 lần với số tiền 12.487.500đ (Mười hai triệu, bốn trăm tám mươi bảy nghìn, năm trăm đồng), trong đó tiền gốc là 6.896.000đ và tiền lãi là 5.591.500đ. Như vậy, có cơ sở xác định việc bà L vay tiền của ngân hàng TMCP VNTV là có thật.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, tòa án đã ra quyết định yêu cầu bà L phải cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh bà đã thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Tuy nhiên, bà L không đến tòa án làm việc, không xuất trình bất cứ chứng cứ nào để bảo vệ cho mình. Điều đó không những thể hiện thái độ không tôn trọng cơ quan tiến hành tố tụng mà cũng là tự từ bỏ quyền lợi của mình. Do đó, căn cứ vào tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, hội đồng xét xử xác định, bà Phạm Tuyết L vay của ngân hàng VNTV số tiền gốc 25.200.000đ (Hai mươi lăm triệu, hai trăm ngàn đồng), đến ngày 06/6/2012 còn nợ lại 26.517.060đ (Hai mươi sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn, không trăm sáu mươi đồng) trong đó tiền gốc là 18.304.000đ và tiền lãi là 8.213.060đ. Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà L thanh toán khoản nợ gốc là 18.304.000đ (Mười tám triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng) là có căn cứ, nên được chấp nhận.

Về tiền lãi, ngân hàng chỉ yêu cầu bà L phải trả khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc theo mức lãi suất 1%/tháng tính từ ngày thụ lý vụ án (20/3/2017) đến ngày xét xử (24/8/2017) tròn 5 tháng là 915.000đ (Chín trăm mười lăm nghìn đồng). Xét thấy, mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu là thấp hơn mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết và yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện đến ngày xét xử là có lợi cho bị đơn, nên được chấp nhận.

Như vậy, tổng tiền gốc và tiền lãi bà Phạm Tuyết L phải thanh toán cho ngân hàng VNTV là: 19.219.000đ (Mười chín triệu, hai trăm mười chín nghìn đồng).

Ngoài ra, nguyên đơn còn yêu cầu bà L phải thanh toán thêm khoản tiền lãi trên khoản nợ gốc do chậm thi hành án khi có yêu cầu thi hành bản án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015. Xét yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật và mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 là thấp hơn mức lãi suất các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là có lợi cho bà L nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 19.219.000đ là: 961.000đ (Chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005; khoản 2 Điều 91 Luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng thương mại cổ phần VNTV.

Buộc bà Phạm Tuyết L phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần VNTV tổng số tiền 19.219.000đ (Mười chín triệu, hai trăm mười chín nghìn đồng), trong đó: tiền gốc 18.304.000đ (Mười tám triệu, ba trăm lẻ bốn nghìn đồng), tiền lãi 915.000đ (Chín trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người thi hành án không trả đủ số tiền nên trên thì hàng tháng người thi hành án còn phải trả thêm cho người được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Tuyết L phải nộp 961.000đ (Chín trăm sáu mươi mốt nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ngân hàng TMCP VNTV 444.000đ (Bốn trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu số 0006181 ngày 20/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thành.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (bị đơn vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Trần Thị Thảo Nguyên